

Q, ngày 20 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 09 năm 2024. Giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1992;

HKTT: Xóm Yên Mã, thôn 5, xã T, huyện Q, TP Hà Nội;

Hiện ở: Xóm 5, thôn T, xã Đ, huyện Q, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Vương Đình B**, sinh năm 1984;

HKTT và nơi ở: Xóm Y, thôn 5, xã T, huyện Q, TP Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/9/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Trần Thị L** và anh **Vương Đình B**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung:

Chị L và anh B có 02 con chung là **Vương Đình P**, sinh ngày 27/6/2014 và **Vương Thị Ngọc M**, sinh ngày 26/8/2016.

Giao anh B quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung, mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng (*Hai triệu đồng mỗi tháng*). Tổng hai con chung là 4.000.000 đồng/tháng (*Bốn triệu đồng mỗi tháng*) kể từ tháng 09 năm 2024 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công sức chung:

Chị L và anh B đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về nợ chung:

Chị L và anh B đều xác nhận không có nợ chung.

2.5. Về án phí:

Chị Trần Thị L tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0020121 ngày 04/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội. Trả lại chị L 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Thanh